

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 28 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Hồ Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoài Hận - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn D, sinh năm 1997 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; Có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 29/9/2022 cho đến nay, (có mặt).

2. Hồng Văn H, sinh năm 1999 tại Cà Mau (Tên gọi khác: Nước Mắm) Nơi cư trú: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng Văn B và bà Nguyễn Ngọc T; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/11/2022 cho đến nay, (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

2. Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho ông Th là bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Châu Hoài H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Anh Phan Văn G, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 23/9/2022, Phan Văn D và Hồng Văn H điều khiển phương tiện võ, máy đi đục hào trên các tuyến sông thuộc xã N, huyện Đ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đi đến nhà của ông Bùi Văn Th và bà Huỳnh Thị T thì D phát hiện nhà của Th và T không có ai quản lý, D đi ra nhà sau lấy cây dao cạy cửa nhưng không được, D đi đến vị trí H đang đục võ dưới sông và rủ H vào nhà trộm tài sản thì H đồng ý. D và H đi đến cửa sổ bên hông nhà, dùng dao, búa, cây đục để đục, cạy bẻ các thanh nhôm ở cửa sổ. Sau đó, cả hai vào nhà đi đến phòng ngủ tiếp tục đục, cạy cửa phòng ngủ nhưng không được. D, H dùng chân đạp vào cánh cửa làm cửa phòng bị bung ra, D vào phòng ngủ còn H ra ngoài đứng đợi. D dùng dao cạy 02 hộc tủ của giường thì phát hiện tiền và vàng, D lấy 01 chiếc nhẫn mặt tợ 10 chỉ vàng 24k bỏ vào túi quần giấu riêng, tiếp tục lấy tiền và hộp đựng vàng. Sau đó, D ra khỏi nhà đưa cho H tiền, còn hộp vàng thì D giữ, cả hai đi xuống võ, máy D mở hộp vàng ra thì bên trong có 02 chiếc vòng đeo tay, 01 chiếc nhẫn kiểu bông mai và 02 chiếc nhẫn tròn. D điều khiển võ, máy một đoạn thì ghé vào bờ, cả hai kiểm tra số tiền lấy trộm được là 70.340.000 đồng, D lấy 35.340.000 đồng, H lấy 35.000.000 đồng. Tại đây, D đưa cho H cất giữ vàng và điều khiển phương tiện võ, máy về nhà ở Ấp V, xã N, huyện Đ. Ngày 24/9/2022, D và H đến tiệm vàng P ở thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu bán 02 chiếc vòng đeo tay, 01 chiếc nhẫn kiểu bông mai và 02 chiếc nhẫn tròn được 52.400.000 đồng. Ngày 25/9/2022, D đến thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bán 01 chiếc nhẫn mặt tợ được 48.000.000 đồng. Ngày 30/9/2022, Hồng Văn H đến Công an xã N, huyện Đ đầu thú về hành vi lấy trộm tài sản.

Bản Kết luận định giá tài sản số 23/KL-ĐGTS ngày 29/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi kết luận giá trị tài sản như sau:

- 01 chiếc nhẫn (kiểu mặt tợ) 10 chỉ vàng 24K, (loại vàng 980) thành tiền 49.600.000 đồng; tiền công 100.000 đồng.

- 02 chiếc vòng đeo tay (kiểu trơn, tròn) 10 chỉ vàng 24K, (loại vàng 960) thành tiền 49.000.000 đồng; tiền công 200.000 đồng.

- 04 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 20 chỉ vàng 24K, (loại vàng 980) thành tiền 99.200.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn (kiểu trạm khắc hoa văn) 02 chỉ vàng 24K, (loại vàng 980) thành tiền 9.920.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn hột (hột đá) 02 chỉ vàng 24K, (loại vàng 980) thành tiền 9.920.000 đồng; tiền công 150.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 02 chỉ vàng 24K, (loại vàng 980) thành tiền 9.920.000 đồng.

- 03 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 03 chỉ vàng 24K, (loại vàng 980) thành tiền 14.880.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 0,5 chỉ vàng 24K, (loại vàng 980) thành tiền 2.480.000 đồng.

- 01 chiếc lắc đeo tay (kiểu khoen lặc) 10 chỉ vàng 18k, (loại vàng 610) thành tiền 32.700.000 đồng; tiền công 120.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn (kiểu bông mai) 01 chỉ vàng 18K, (loại vàng 610) thành tiền 3.270.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 281.460.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 17/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố các bị cáo Phan Văn D và Hồng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự do xác định tổng số tiền, vàng các bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị là 179.950.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

- Bị hại trình bày: Yêu cầu làm rõ ngoài số vàng các bị cáo đã bán, số vàng còn lại các bị cáo giấu ở đâu, số lượng vàng bị mất bị hại trình bày là đúng, do mua nhiều thời gian khác nhau nên không còn giấy tờ, chứng từ chứng minh, chỉ còn một số giấy tờ mua vàng gần đây để chung với số vàng đã mất. Trường hợp không xác định được thì bị hại thống nhất yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền và vàng theo giá trị mà Viện kiểm sát đã truy tố là 179.950.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Châu Hoài H thống nhất số tiền 30.000.000 đồng khắc phục cho bị cáo, không có yêu cầu gì trong vụ án; Anh Phan Văn G xin nhận lại chiếc võ và máy.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Phan Văn D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Hồng Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Phan Văn G: 01 vỏ composite hiệu Trọng Sĩ, màu xanh trắng, dài 5m4; 01 máy Honda 18HP, máy không có bình xăng.

- Trả lại cho bị cáo: 01 nhẫn màu trắng (vàng giả); 01 quần sọt jean màu xanh, 01 áo thun dài tay màu trắng đen.

- Trả lại cho bị hại: 01 cây dao, loại dao phay, cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, dài 52cm.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây búa, cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, dài 19cm; 01 thanh kim loại bằng sắt dài 19cm là công cụ dùng để phạm tội; 01 hóa đơn bán hàng điện thoại di động Ngô Tài, 01 hộp nhựa hiệu Kim Tín.

Giữ 01 điện thoại hiệu iPhone XSM 64GB màu trắng; 01 điện thoại hiệu iPhone XSM 64GB màu vàng; tiền 9.120.000 đồng; 01 chiếc lắc 05 chỉ 05 phân 05 ly vàng 17K; 01 nhẫn (kiểu đầu rồng) 04 chỉ 06 phân 09 ly vàng 18K của Phan Văn D để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 587 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Phan Văn D và Hồng Văn H liên đới bồi thường số tiền 179.950.000 đồng cho Bùi Văn Th và Huỳnh Thị T. Trong đó: bị cáo D phải bồi thường 114.995.000 đồng, do đã khắc phục 30.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự, nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường 84.995.000 đồng; bị cáo H phải bồi thường là 64.955.000 đồng.

- Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo D: Bị cáo biết lỗi, yêu cầu xem xét giảm nhẹ vì hiện nay có con nhỏ.

Bị cáo H: Bị cáo biết lỗi, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo D và bị cáo H thừa nhận vào khoảng 12 giờ ngày 23/9/2022, lợi dụng việc nhà của ông Th, bà T không có ai quản lý nên các bị cáo lén lút đột nhập vào nhà của bị hại để chiếm đoạt tài sản.

Đối với tài sản bị chiếm đoạt:

- Các bị cáo và bị hại thống nhất số tiền là 70.340.000 đồng.

- Đối với vàng theo bị hại xác định số vàng bị mất bao gồm:

- 01 chiếc nhẫn (kiểu mặt tợ) 10 chỉ vàng 24K; 02 chiếc vòng đeo tay (kiểu trơn, tròn) 10 chỉ vàng 24K; 04 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 20 chỉ vàng 24K; 01 chiếc nhẫn (kiểu trạm khắc hoa văn) 02 chỉ vàng 24K; 01 chiếc nhẫn hột (hột đá) 02 chỉ vàng 24K; 01 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 02 chỉ vàng 24K; 03 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 03 chỉ vàng 24K; 01 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 0,5 chỉ vàng 24K; 01 chiếc lắc đeo tay (kiểu khoen lắc) 10 chỉ vàng 18K; 01 chiếc nhẫn (kiểu bông mai) 01 chỉ vàng 18K.

Tổng số vàng là 49,5 chỉ vàng 24K và 11 chỉ vàng 18K.

Các bị cáo xác định số vàng chiếm đoạt là: 01 nhẫn mặt tợ, 02 chiếc vòng đeo tay, 01 chiếc nhẫn kiểu bông mai và 02 chiếc nhẫn tròn.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị hại cho rằng ngoài số vàng mà các bị cáo khai đã chiếm đoạt thì bị hại còn mất số vàng như bị hại đã nêu trên, tuy nhiên bị hại không đưa ra được chứng cứ chứng minh có số tài sản trên tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác các bị cáo thừa nhận có trộm số vàng là 01 nhẫn mặt tợ, 02 chiếc vòng, 01 chiếc nhẫn kiểu bông mai, 02 chiếc nhẫn tròn. Quá trình đối chất các lời khai của bị cáo về số vàng chiếm đoạt là phù hợp nhau và có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, bị cáo D bị tạm giam ngày 29/9/2022, đến ngày 30/9/2022 bị cáo H đầu thú và được tại ngoại, do đó lời khai của hai bị cáo đảm bảo tính độc lập nhau. Các lời khai này cũng phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Mỹ Hiệp là chủ tiệm vàng Phước Hiệp tại thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu là người mua vàng của các bị cáo ngày 24/9/2022. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có làm việc với tiệm vàng Kim Tín là nơi bị cáo D khai bán chiếc nhẫn mặt tợ và mua lại vàng 18K nhưng chủ tiệm vàng không xác định được việc mua bán nêu trên, ngoài ra không còn chứng cứ nào thể hiện các bị cáo có chiếm đoạt số vàng như bị hại trình bày. Tại phiên tòa bị hại xác định trường hợp không làm rõ được số vàng bị mất thì thống nhất số lượng vàng theo giá trị mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Từ phân tích trên, có cơ sở xác định số vàng các bị cáo chiếm đoạt của bị hại gồm:

- 01 chiếc nhẫn (kiểu mặt tợ) 10 chỉ vàng 24K, giá trị định giá là 49.700.000 đồng.

- 02 chiếc vòng đeo tay (kiểu trơn, tròn) 10 chỉ vàng 24K, giá trị định giá là 49.200.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 0,5 chỉ vàng 24K, giá trị định giá là 2.480.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn (kiểu trơn, tròn) 01 chỉ vàng 24K, giá trị định giá là 4.960.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn (kiểu bông mai) 01 chỉ vàng 18K, giá trị định giá là 3.270.000 đồng.

Tổng số vàng là 21,5 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K, giá trị định giá là 109.610.000 đồng. Như vậy giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt gồm tiền và vàng là: 179.950.000 đồng.

Do đó có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Phan Văn D, Hồng Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Mặc dù bị hại đã khóa cửa nhưng các bị cáo đã dùng các công cụ làm hư hỏng cửa để đột nhập cho thấy các bị cáo mong muốn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đến cùng. Hành vi của các bị cáo gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân và bản tính muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác mà không phải lao động nên đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra.

Các bị cáo rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc kế hoạch, phân công vai trò cụ thể nên trường hợp phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xác định bị cáo D có vai trò quan trọng hơn do bị cáo D là người chủ động rủ bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời bị cáo D hưởng lợi từ tài sản bị chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo H, từ đó quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo D, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền 30.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau sự việc bị cáo đã đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại hiệu iPhone XSM 64GB màu trắng; 01 điện thoại hiệu iPhone XSM 64GB màu vàng; 01 chiếc lắc 05 chỉ 05 phân 05 ly vàng 17K; 01 nhẫn (kiểu đầu rồng) 04 chỉ 06 phân 09 ly vàng 18K; số tiền 9.120.000 đồng.

Đây là số tài sản của bị cáo D có được từ việc bán số vàng đã chiếm đoạt của bị hại nên cần duy trì số vật chứng này để đảm bảo việc thi hành án cho bị hại.

- 01 nhẫn màu trắng (vàng giả); 01 quần sọt jean màu xanh; 01 áo thun dài tay màu trắng đen của bị cáo D không liên quan đến vụ án, bị cáo yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị cáo D.

- 01 cây dao, loại dao phay, cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, dài 52cm của bị hại, bị hại yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị hại.

- 01 hóa đơn bán hàng hiệu điện thoại di động Ngô Tài; 01 hộp nhựa hiệu Kim Tín, không còn giá trị sử dụng; 01 cây búa, cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt, dài 19cm; 01 thanh kim loại bằng sắt dài 19cm là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 vỏ composite hiệu Trọng Sĩ, màu xanh trắng, dài 5m4; 01 máy Honda 18HP, máy không có bình xăng của anh Phan Văn G không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Phan Văn G.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại thống nhất số tiền bị thiệt hại theo định giá là 179.950.000 đồng và yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền nêu trên, do đó buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 179.950.000 đồng.

Trong đó, bị cáo D chiếm đoạt 114.995.000 đồng gồm: tiền mặt là 35.340.000 đồng; 01 chiếc nhẫn mặt tợ 49.700.000 đồng; tiền chia từ việc bán 02 chiếc vòng (49.200.000đ), 02 chiếc nhẫn trơn (2.480.000đ + 4.960.000đ), 01 chiếc nhẫn bông mai (3.270.000đ) là $59.910.000/2 = 29.955.000$ đồng.

Bị cáo H chiếm đoạt 64.995.000 đồng gồm: tiền mặt là 35.000.000 đồng; tiền chia từ việc bán 02 chiếc vòng, 02 chiếc nhẫn trơn, 01 chiếc nhẫn bông mai là 29.955.000 đồng.

Do đó buộc bị cáo D bồi thường cho bị hại số tiền 114.995.000 đồng; Đối trừ với số tiền bị cáo D đã khắc phục là 30.000.000 đồng, bị cáo D còn bồi thường tiếp là 84.995.000 đồng. Buộc bị cáo H bồi thường cho bị hại số tiền 64.995.000 đồng.

Bị hại được nhận số tiền bị cáo D khắc phục là 30.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Đối với anh Châu Hoài H có nộp số tiền 30.000.000 đồng, tại phiên tòa ông H thống nhất dùng số tiền này để khắc phục hậu quả cho bị cáo D, không có yêu cầu gì trong vụ án, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Phan Văn G có cho bị cáo D mượn võ máy, anh Giang không biết việc bị cáo sử dụng võ máy để thực hiện hành vi phạm tội nên không đặt ra xem xét trách nhiệm của anh G là phù hợp.

Đối với cửa sổ, cửa phòng ngủ của bị hại bị hư hỏng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, được chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn D, Hồng Văn H (tên gọi khác: Nước Mắm) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2022.

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồng Văn H 03(ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phan Văn D và bị cáo Hồng Văn H liên đới bồi thường cho bị hại số tiền: 179.950.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Chia theo phần:

Bị cáo Phan Văn D bồi thường cho bị hại số tiền 114.995.000 đồng. Ngày 05/10/2022 bị cáo đã bồi thường khắc phục số tiền 30.000.000 đồng theo biên lai thu

tiền số 0002577 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi được đổi trừ, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền: 84.995.000 đồng (Tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo Hồng Văn H bồi thường cho bị hại số tiền 64.995.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Bị hại bà Huỳnh Thị T và ông Bùi Văn Th được nhận số tiền 30.000.000 đồng bị cáo D đã nộp khắc phục tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại, trường hợp bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục duy trì việc tạm giữ đối với các vật chứng để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo Phan Văn D gồm:

+ 01 (một) điện thoại hiệu iPhone XSM 64GB (vàng), IMEI 021637 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại hiệu iPhone XSM 64GB (trắng), IMEI 437475 (đã qua sử dụng).

+ Tiền Việt Nam với tổng số tiền: 9.120.000 đồng (Chín triệu một trăm hai chục ngàn đồng).

+ 01 (một) tấm lắc, loại vàng 17K, trọng lượng 05 chỉ 05 phân 05 ly.

+ 01 (một) khâu hình đầu rồng, loại vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ 06 phân 09 ly.

- Trả cho bị cáo Phan Văn D:

+ 01 (một) chiếc khâu bằng bạc (vàng giả).

+ 01 (một) quần sọt jean, màu xanh, trên quần có ghi dòng chữ “TOT ToCHASO (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) áo thun dài tay, màu trắng, đen (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị hại bà Huỳnh Thị T và ông Bùi Văn Th: 01 (một) cây dao, loại dao phay, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng sắt, dài 52cm (đã qua sử dụng).

- Trả cho anh Phan Văn G:

+ 01 (một) võ Compositor, hiệu Trọng Sĩ, màu xanh, trắng, chiều dài 5m4 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) máy Honda 18HP, chụp giựt màu đỏ, máy không có bình xăng, máy có số P420 A1504000160 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) cây búa, cán bằng gỗ, lưỡi búa bằng sắt, chiều dài 19cm (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) thanh kim loại bằng sắt, chiều dài 19cm (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) hóa đơn bán hàng hiệu điện thoại di động Ngô Tài.

+ 01 (một) hộp nhựa hiệu KIM TÍN.

(Hiện vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi và Kho bạc Đầm Dơi quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 18/01/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi).

5. Về án phí:

- Bị cáo Phan Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là: 4.249.750 đồng (bốn triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Bị cáo Hồng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là: 3.249.750 đồng (ba triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

